

ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI VÀ AN NINH CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

TS NGUYỄN VĂN HÒI

Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Ngày nhận:

2-1-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

17-1-2025

Ngày duyệt đăng:

3-2-2025

Tóm tắt: Sau gần 40 năm đổi mới, nhận thức về chính sách xã hội của Đảng đã có bước tiến dài trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo chuyển biến nhận thức rõ rệt trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Việc triển khai có hiệu quả các chính sách xã hội đã góp phần đem lại niềm tin và sự hài lòng của nhân dân. Bước vào kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, tiếp tục phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu.

Từ khóa:

An sinh xã hội; an ninh con người; kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

1. Một số vấn đề lý luận về an sinh xã hội và an ninh con người

Về an sinh xã hội. Theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền do Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua năm 1948 (Điều 25): Mọi người dân và hộ gia đình đều có quyền có một mức tối thiểu về sức khỏe và các phúc lợi xã hội, bao gồm ăn, mặc, chăm sóc y tế (bao gồm cả thai sản), dịch vụ xã hội thiết yếu và có quyền được an sinh khi có các biến cố về việc làm, ốm đau, tàn tật, góa phụ, tuổi già... hoặc các trường hợp bất khả kháng khác. Liên Hợp quốc nhấn mạnh an sinh xã hội (ASXH) là quyền con người.

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), hệ thống ASXH là yếu tố then chốt trong quản trị quốc gia, là hiện thân của các giá trị xã hội của bất kỳ xã

hội nào. Hệ thống ASXH có ba mục tiêu chính: (1) đảm bảo quyền tiếp cận các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu cho mọi thành viên trong xã hội; (2) thúc đẩy an ninh kinh tế xã hội tích cực; (3) thúc đẩy tiềm năng xã hội và cá nhân để giảm nghèo và phát triển xã hội.

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), ASXH là các chính sách, chương trình giảm nghèo và giảm sự yếu thế bởi sự thúc đẩy có hiệu quả thị trường lao động, giảm thiểu rủi ro của người dân và nâng cao năng lực của họ để đối phó với rủi ro và suy giảm hoặc mất thu nhập.

Như vậy, có thể hiểu ASXH là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua các biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị ngừng hoặc giảm

thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình.

Về an ninh con người. Có nhiều quan niệm về an ninh con người (ANCN), trong đó quan niệm về ANCN được ghi nhận trong “Báo cáo phát triển con người” năm 1994 của Liên Hợp quốc được xem là định nghĩa, được trích dẫn nhiều nhất và được coi là chính thức nhất - “An ninh con người có thể nói gồm hai khía cạnh chính. Đầu tiên, nó có nghĩa là an toàn trước những mối đe dọa kinh niên như nạn đói, bệnh tật và sự đàn áp. Thứ hai, nó có nghĩa là bảo vệ chống lại sự phá vỡ đột ngột và gây tổn thương đối với mẫu hình cuộc sống hằng ngày - cho dù trong gia đình, trong công việc hay trong cuộc sống”¹. Báo cáo này xác định ANCN bao gồm 7 thành phần: An ninh kinh tế; an ninh lương thực; an ninh sức khỏe; an ninh môi trường; an ninh cá nhân; an ninh cộng đồng và an ninh chính trị. Cụ thể như sau:

An ninh kinh tế: An ninh kinh tế được hiểu theo nghĩa hẹp là bảo đảm mức thu nhập cơ bản của con người. Ở tiêu chí này vấn đề việc làm đóng vai trò quan trọng. Mối đe dọa chính của an ninh kinh tế là tình trạng đói nghèo.

An ninh lương thực: Bảo đảm con người đều được tiếp cận nguồn lương thực cơ bản để bảo đảm đủ các chất dinh dưỡng cho mọi người dân. Nguồn lương thực sẵn có để cung cấp là điều kiện cần, nhưng chưa phải là điều kiện đủ để bảo đảm an ninh lương thực cho con người, vì nếu không có khả năng tiếp cận nguồn lương thực do hệ thống phân phối không hiệu quả hay con người không có khả năng mua và sản xuất lương thực thì có khả năng chết đói.

An ninh y tế: Bảo đảm khả năng tránh xa các nguy cơ tai nạn, hiểm họa về bệnh tật, con người được chăm sóc sức khỏe y tế, có sức khỏe tốt cả về thể chất và tinh thần,...

An ninh môi trường: Bảo vệ con người trước các mối đe dọa từ môi trường. Các mối đe dọa từ môi trường gồm 2 loại: Một là, do thiên tai như lũ lụt, động đất, sóng thần,...; hai là, do con người gây ra làm ô nhiễm môi trường, ô nhiễm đất đai, ô nhiễm không khí, chặt phá rừng... Hiện tượng biến đổi khí hậu và những thảm họa sinh thái bắt nguồn trực tiếp phần lớn từ con người, do con người.

An ninh cá nhân: Bảo vệ các cá nhân trước hành vi bạo lực. Hình thức đe dọa bằng bạo lực bao gồm: Đe dọa từ nhà nước (tra tấn, lao động khổ sai,...); đe dọa từ các quốc gia khác (chiến tranh, xung đột vũ trang,...); đe dọa từ các nhóm người khác (căng thẳng và xung đột tôn giáo, sắc tộc,...); đe dọa từ các cá nhân hoặc băng nhóm chống lại các cá nhân và băng nhóm khác (tội phạm, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, bạo lực đường phố,...); đe dọa trực tiếp đối với phụ nữ và trẻ em (bạo lực gia đình, lạm dụng trẻ em); đe dọa đối với bản thân (tự tử, nghiện hút);...

An ninh cộng đồng: Bảo đảm an ninh cho mọi người trước cộng đồng. Con người cảm thấy an toàn hơn khi họ là thành viên của một nhóm người nào đó, như một gia đình, một cộng đồng dân cư, một tổ chức hay một nhóm sắc tộc hay dân tộc. Nói rộng ra, an ninh của một người có thể được bảo đảm khi người đó sống ở trong một quốc gia nhất định, bao gồm nhiều cộng đồng khác nhau hợp thành. Nếu một nhóm hay một cộng đồng nào đó được an toàn, thì khả năng mỗi thành viên trong cộng đồng cũng được an toàn là rất cao.

An ninh chính trị: Bảo đảm tôn trọng các quyền cơ bản của con người khi họ sinh sống trong xã hội. Bảo đảm an ninh chính trị là bảo vệ con người không phải chịu sự đàn áp, ngược đãi, đe dọa hay xâm hại của các lực lượng thuộc quyền lực nhà nước.

Như vậy, sự ra đời của khái niệm “an ninh con người” đã tạo ra những thay đổi quan trọng trong nhận thức của nhiều quốc gia về khái niệm “an

ninh”. Theo cách hiểu truyền thống, an ninh đồng nghĩa với an ninh quốc gia, trong đó quốc gia là chủ thể cần được bảo vệ về mặt an ninh. Theo cách hiểu mới, *con người trở thành chủ thể chính của an ninh và cần được ưu tiên bảo vệ*².

2. Một số quan điểm cơ bản của Đảng về an sinh xã hội và an ninh con người trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước

Về an sinh xã hội, Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) khẳng định: “không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất”³; và *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)* đã phát triển thành quan điểm “Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội”⁴. Cụm từ “an sinh xã hội” đã được chính thức đưa vào từ văn kiện Đại hội IX (2001): “Khẩn trương mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội”⁵.

Đại hội X (2006) của Đảng chủ trương: “Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội...”⁶. Nghị quyết HNTU 6 (1-2008) khóa X nhấn mạnh: “Từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo”⁷.

Đến Đại hội XI (2011), nhận thức về hệ thống chính sách ASXH của Đảng tiếp tục được hoàn thiện và nâng lên tầm chiến lược về phát triển hệ thống chính sách ASXH trong giai đoạn mới, đó là: “Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo; cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho nhân dân”⁸. Đại hội XI tiếp tục làm rõ những

quan điểm, định hướng, nội dung cụ thể cho từng chính sách ASXH: “Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, vượt qua khó khăn hoặc các rủi ro trong đời sống”⁹.

Đại hội XII (2016) khẳng định nhiệm vụ trọng tâm: Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm ASXH, an ninh con người; bảo đảm ASXH, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Đại hội XIII (2021) của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ trọng tâm: Thực hiện tốt chính sách xã hội (CSXH), bảo đảm ASXH, ANCN, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

Về an ninh con người, lần đầu tiên “an ninh con người” được xác định trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng. Trong phương hướng, nhiệm vụ của quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, Đại hội XII xác định: “Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người”¹⁰. Tiếp cận theo 7 thành tố ANCN của Liên Hợp quốc, thì Việt Nam đã đề cập từ lâu, cả trong đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng xác định con người là mục tiêu, động lực của đổi mới và chủ thể sáng tạo của phát triển xã hội. Con người ở vị trí trọng tâm của chính sách phát triển. Nhận thức nhất quán và thực hiện mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Đến Đại hội XIII (2021) của Đảng, vấn đề ANCN được chú trọng và đề cao. Trong định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030,

Đảng xác định: “Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người”¹¹. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển đất nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) xác định: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa”¹². Trong tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, Đại hội XIII xác định: “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người”¹³. Trong 6 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XIII có nhiệm vụ trọng tâm thứ tư về văn hóa, xã hội: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”¹⁴,...

3. Một số thành quả quan trọng về đảm bảo an sinh xã hội và an ninh con người trong kỷ nguyên đổi mới và phát triển

Sau gần 40 năm đổi mới, lĩnh vực xã hội đã đạt được nhiều kết quả, thành tựu quan trọng, thể hiện ngày càng rõ tính ưu việt của chế độ XHCN ở Việt Nam. Đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

được giữ vững; kinh tế, xã hội phát triển toàn diện và hài hòa hơn. Quá trình đổi mới nhận thức về CSXH của Đảng là một bước tiến dài mang tính lịch sử trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, được lan tỏa và chuyển biến nhận thức rõ rệt trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Bảo đảm ASXH đã có bước chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang đảm bảo quyền an sinh của công dân. Việc triển khai có hiệu quả các đã góp phần đem lại niềm tin và sự hài lòng của nhân dân. Nguồn lực đầu tư cho thực hiện CSXH ngày càng lớn, chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi ngân sách nhà nước, huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội. Chỉ số phát triển con người có sự cải thiện vượt bậc, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có chỉ số phát triển con người cao¹⁵.

Về chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo

Thể chế thị trường lao động từng bước được hoàn thiện, trở thành giải pháp cơ bản tạo việc làm bền vững. Hằng năm đã tạo được khoảng 1,5-1,6 triệu lượt việc làm cho người lao động, tỷ lệ thất nghiệp chung duy trì ổn định ở mức dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới 4%. Tiền lương và thu nhập được cải thiện tích cực giúp đảm bảo đời sống người lao động, thu nhập bình quân của người lao động năm 2023 là 7,1 triệu đồng/tháng¹⁶, tăng 4 lần trong 10 năm qua.

Giảm nghèo bền vững tiếp cận đa chiều được triển khai quyết liệt, đồng bộ đổi mới về phương thức, giải pháp thực hiện, tập trung vào các đối tượng nghèo nhất, hộ nghèo nhất với nhiều mô hình mới, cách làm hay. Đời sống của người nghèo, người dân trên địa bàn nghèo được cải thiện rõ rệt; ASXH được đảm bảo, người nghèo được hỗ trợ sinh kế phù hợp, được hỗ trợ học nghề, tạo việc làm, bồi dưỡng kiến thức sản xuất kinh doanh, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để vươn lên thoát nghèo và làm giàu. Từ một quốc gia có hơn 60% dân số nghèo đói (1990), đến năm 2023 tỷ

lệ hộ nghèo còn 2,93%, tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn khoảng 31,72%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn khoảng 16,5%. Thu nhập bình quân của hộ nghèo đã tăng hơn 3,5 lần trong 10 năm qua.

Về chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp

Chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) trở thành trụ cột chính trong hệ thống ASXH. Đến tháng 7-2024, cả nước có 18,3 triệu người tham gia BHXH, chiếm tỷ lệ 39,05% lao động trong độ tuổi tham gia BHXH; số người tham gia BHXH tự nguyện tăng nhanh, chỉ trong 3 năm 2019-2021 đã phát triển mới khoảng 1 triệu người, gấp 5 lần 10 năm trước đây. Hiện có trên 3,3 triệu người đang được hưởng chế độ hưu trí và trợ cấp BHXH hằng tháng.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp đã hỗ trợ người lao động khi chấm dứt hợp đồng, mất việc làm và hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính. Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp tăng từ 8,27 triệu người năm 2012 lên 14,30 triệu người năm 2023 (chiếm 31,58% lực lượng lao động trong độ tuổi).

Về chính sách trợ giúp xã hội

Chính sách trợ giúp xã hội hoàn thiện cách tiếp cận, không ngừng mở rộng đối tượng, tăng mức hưởng, bao phủ hầu hết các nhóm đối tượng ở mọi lứa tuổi, đảm bảo tốt hơn quyền ASXH của người dân nói chung và các đối tượng đặc thù nói riêng. Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên tăng hằng năm, đạt 3,8 triệu người năm 2024 (chiếm 3,4% dân số) và 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên hằng tháng; trẻ em được bảo vệ và chăm sóc, được thực hiện đầy đủ quyền trẻ em và có môi trường sống an toàn; chăm sóc và phát huy tốt hơn vai trò người cao tuổi; người khuyết tật được trợ giúp phục hồi chức năng, đào tạo nghề và tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống. Trợ giúp xã hội đột xuất đã

bao phủ các nhóm đối tượng, bảo đảm người dân được hỗ trợ kịp thời khi gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt, đã thực hiện rất thành công công tác phòng chống đại dịch COVID-19 đi đôi với bảo đảm ASXH¹⁷.

Về đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản

Đã cơ bản đảm bảo việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin cho người dân, góp phần từng bước nâng cao phúc lợi, đảm bảo cuộc sống an toàn và hạnh phúc của nhân dân.

Giáo dục tối thiểu: Mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển nhanh, mạng lưới các trường chuyên biệt vùng dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục tăng quy mô, tăng số lượng học sinh được học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và dự bị đại học. Các chương trình, chính sách hỗ trợ giáo dục cho con em hộ nghèo, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn được triển khai hiệu quả. Phổ cập giáo dục từ cấp mầm non (trẻ 5 tuổi) đến trung học cơ sở hoàn thành trước thời hạn; trẻ em đi học đúng tuổi cấp tiểu học đạt 99% từ năm 2015, cấp trung học cơ sở đạt trên 95% từ năm 2020, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 97,85%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68% tăng 1,5 lần so với năm 2012 (46,0%); tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ tăng từ 15,58% năm 2011 lên 27% năm 2023¹⁸.

Y tế tối thiểu: đã tạo đột phá về tỷ lệ bao phủ của bảo hiểm y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia và thụ hưởng các chế độ. Đến năm 2023, cả nước có trên 93 triệu người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm 93,35% dân số. Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 96-98%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần; tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 74,5 tuổi vào năm 2023. Y tế dự phòng được tăng cường, đã ngăn chặn được các bệnh dịch nguy hiểm, không để xảy ra dịch trên quy

mô lớn, ngăn ngừa các đợt bùng phát trong đại dịch COVID-19. Hệ thống y tế cơ sở được tăng cường, nhất là ở các huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn, bao gồm cả hạ tầng trạm y tế, bệnh viện và cán bộ y tế.

Nhà ở tối thiểu: Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển nhà ở xã hội ngày càng được hoàn thiện, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước. Hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân đã tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện. Giai đoạn 2012-2020 đã hỗ trợ chỗ ở cho 648.000 hộ nghèo nông thôn, 17.200 nghìn hộ phòng, tránh bão, lũ lụt khu vực miền Trung; 52.000 hộ dân vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long; 323.000 căn nhà cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn từ nguồn xã hội hóa. Điều kiện nhà ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp ở đô thị, nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp và học sinh, sinh viên... từng bước được cải thiện.

Nước sạch: Chính phủ đã tập trung nguồn lực để phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng từ 80,5% năm 2012 lên 92% vào năm 2022. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn tăng từ 38,7% năm 2012 lên 54% vào năm 2021.

Tiếp cận thông tin: Hệ thống thông tin truyền thông cơ sở được ưu tiên đầu tư; đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước đến với người dân vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; rút ngắn khoảng cách về đảm bảo thông tin và hưởng thụ thông tin của nhân dân giữa các vùng miền. Từ năm 2016 đã hoàn thành mục tiêu 100% xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được phủ sóng phát thanh mặt đất và truyền hình mặt đất. Đến năm 2020, có 100% xã miền

núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo có đài truyền thanh xã.

Chính sách ASXH khẳng định vai trò là xương sống của hệ thống CSXH trong phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục các rủi ro của người dân trong cuộc sống. Hệ thống chính sách, pháp luật đã được nhanh chóng sửa đổi, bổ sung hoàn thiện, đảm bảo hệ thống ASXH hoạt động hiệu quả để hỗ trợ kịp thời các cá nhân và hộ gia đình vượt qua các cú sốc, rủi ro trong cuộc sống, đặc biệt là trong đại dịch COVID-19. Quyền ASXH của người dân cơ bản được bảo đảm tốt hơn, hệ thống chính sách được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện; các chính sách được ban hành và thực hiện trong thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân, các địa phương cũng chủ động ban hành một số chính sách riêng hỗ trợ tích cực, kịp thời cho nhóm yếu thế. Sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của người dân và doanh nghiệp ngày càng tích cực và hiệu quả thông qua các chương trình giảm nghèo, các phong trào thi đua, chăm lo cho nhóm đối tượng đặc thù: nạn nhân chất độc hóa học, dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật, bảo hiểm y tế cho người nghèo,...

4. Những khó khăn, thách thức về đảm bảo an sinh xã hội và an ninh con người

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách ASXH còn bộc lộ không ít những hạn chế, yếu kém. Đó là: Kết quả giảm nghèo chưa thật bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, đời sống của một bộ phận người dân, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường xuyên bị thiên tai còn khó khăn; khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng miền còn lớn; bất bình đẳng xã hội có chiều hướng gia tăng, nhất là bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tiếp cận thị trường, việc làm giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn, nhất là khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, dân tộc ít người.

Thị trường lao động chậm phát triển, chất lượng nguồn nhân lực và việc làm thấp, thiếu tính bền vững. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ mới chỉ đạt 26,44% năm 2022, lao động Việt Nam còn yếu và thiếu về các kỹ năng làm việc cốt lõi trong bối cảnh tăng cường hội nhập và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0); tỷ trọng lao động có việc làm phi chính thức còn lớn (65,44% năm 2022); mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa còn khó khăn, thiếu cơ sở vững chắc để xây dựng quan hệ lao động lành mạnh và bền vững; hệ thống dịch vụ việc làm và thông tin thị trường lao động còn hạn chế; chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động.

Độ bao phủ của BHXH và bảo hiểm thất nghiệp còn thấp (trung bình chiếm 38,08% và 31,18% tổng lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2022). Phát triển đối tượng tham gia BHXH chưa đạt được so với tiềm năng của nhóm dân số mục tiêu, nhất là BHXH tự nguyện chưa thực sự hấp dẫn người lao động tham gia, dẫn đến nguy cơ một tỷ lệ lớn người cao tuổi không có lương hưu trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng; chính sách bảo hiểm thất nghiệp chưa bao phủ tới lao động trong khu vực phi chính thức; tình trạng rút BHXH một lần có xu hướng tăng; chậm và trón đóng BHXH vẫn còn kéo dài; lạm dụng, trục lợi quỹ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp vẫn còn diễn biến phức tạp.

Phạm vi bao phủ của trợ giúp xã hội còn hẹp, trợ cấp hưu trí xã hội mới áp dụng cho người từ 80 tuổi trở lên và người từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn. Trong khi đó, vẫn còn một nhóm dân số dưới 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp BHXH, chưa được hưởng chính sách an sinh. Mức trợ giúp cơ bản hiện hành còn thấp so với nhu cầu sống tối thiểu và chậm điều chỉnh (trong giai đoạn

2011-2023, mức chuẩn trợ cấp được điều chỉnh 5 lần, song đến nay mới ở mức 360 nghìn đồng/người/tháng, chỉ bằng 24% mức sống tối thiểu khu vực nông thôn và 18% mức sống tối thiểu khu vực thành thị năm 2021). Thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân nói chung và người lao động ứng phó với các cú sốc trên diện rộng khi xảy ra khủng hoảng như dịch bệnh, thiên tai, ứng dụng công nghệ cao - tự động hóa,...

Hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội, chăm sóc xã hội chưa đáp ứng được các yêu cầu về đổi mới theo hướng chuyên nghiệp hóa. Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em chưa được quan tâm đầu tư thỏa đáng. Chất lượng và năng lực y tế cơ sở chưa đáp ứng tốt yêu cầu; y tế dự phòng còn yếu, đặc biệt là trong ứng phó với rủi ro, dịch bệnh lớn; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em chậm được cải thiện, nhất là ở trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn rất cao. Bạo lực gia đình, bạo hành, đuối nước, xâm hại trẻ em diễn biến phức tạp, gây bức xúc xã hội. Chất lượng giáo dục phổ thông ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế. Tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia còn thấp. Nhà ở cho người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, các đô thị, lao động di cư, người có thu nhập thấp chưa được đảm bảo. Số lượng và chất lượng dịch vụ xã hội cơ bản tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, còn nhiều khó khăn cho người dân tiếp cận và thụ hưởng.

Nhìn chung, hệ thống chính sách ASXH còn thiếu tính bao trùm, liên kết trong hỗ trợ đối tượng và chưa bao phủ hết đối tượng, chưa có sự tương trợ, kết nối của các trụ cột chính sách (BHXH, bảo trợ xã hội, giảm nghèo, phát triển kỹ năng và việc làm) trong tổ chức thực hiện. Tăng trưởng kinh tế liên tục trong nhiều năm nhưng đầu tư cho CSXH chưa tương xứng, tỷ lệ chi cho CSXH trên GDP còn thấp (tỷ trọng chi ngân sách cho ASXH mới chỉ đạt 6,7% GDP năm 2021). Các trụ cột chính

sách được thiết kế và triển khai thực hiện hầu hết theo ngành dọc, chưa phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng cung cấp dịch vụ; thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích khu vực ngoài nhà nước tham gia vào cung cấp dịch vụ công.

5. Đảm bảo an sinh xã hội và an ninh con người trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng thành công nước Việt Nam XHCN dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới là Đại hội XIV của Đảng, từ đây, mọi người dân Việt Nam, hàng trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng tâm hiệp lực, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh¹⁹.

Đảm bảo ASXH và ANCN trong kỷ nguyên mới, trước hết là hướng đến mục tiêu: Xây dựng hệ thống chính sách ASXH theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần

cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách ASXH đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Với hệ thống chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 là:

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%; 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia BHXH và 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%; tối thiểu 90% tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao trong khu vực; 35 giường bệnh viện, 19 bác sĩ, 4 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 95% dân

số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Xây dựng được ít nhất một triệu căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; xóa bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn quốc đạt khoảng 30m² sàn/người. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Có ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

Một số định hướng nhiệm vụ, giải pháp đổi mới chính sách ASXH cụ thể như sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong xây dựng và thực hiện chính sách ASXH và giảm nghèo bền vững. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong xây dựng và thực hiện CSXH.

Hai là, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vị trí, vai trò của chính sách ASXH trong giai đoạn mới. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhận thức đúng, đầy đủ về chính sách ASXH. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách ASXH toàn diện, hiện đại, bao trùm và bền vững, dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Ba là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chính sách ASXH. Xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân trong tổ chức thực hiện; tăng cường cải cách hành chính, minh bạch trong quản lý nhà nước về chính sách ASXH và quản lý phát triển xã hội. Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về CSXH tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành từ trung ương đến địa phương. Chuyển đổi số sâu rộng, toàn diện trong các lĩnh vực chính sách ASXH; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu. Hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách ASXH linh hoạt, hiệu quả; tăng cường xã hội hóa và hợp tác công tư trong thực hiện chính sách ASXH.

Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm bền vững và phát triển thị trường lao động. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, chủ động thích ứng với già hóa dân số và dân số già; chuyển trọng tâm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

Tạo đột phá đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, bảo đảm người lao động được đào tạo ngành nghề phù hợp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu

cầu của kỹ nguyên số và hội nhập quốc tế, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; xây dựng và hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề cho các ngành, nghề trong xã hội. Giải quyết việc làm bền vững cho lực lượng lao động; tăng cường chính sách, cơ chế hỗ trợ vốn vay tạo việc làm và sinh kế cho các nhóm đối tượng yếu thế và triển khai hiệu quả chính sách việc làm công.

Năm là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống ASXH đa tầng, toàn diện, linh hoạt và có khả năng hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Thực hiện cải cách và hoàn thiện thể chế, chính sách ASXH theo hướng chủ động, tích hợp, có sự điều phối và liên kết giữa các hợp phần BHXH, bảo trợ xã hội và việc làm, nhằm hướng tới bao phủ toàn dân và chuẩn bị tốt hơn trong trường hợp xảy ra các cú sốc kinh tế và các cú sốc khác.

Phát triển hệ thống BHXH linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế bao phủ toàn bộ lực lượng lao động; đẩy mạnh cải cách hệ thống BHXH, mở rộng, gia tăng quyền lợi của đối tượng, thu hút người lao động tham gia BHXH. Đổi mới chính sách BHXH tự nguyện; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách BHXH, bảo hiểm thất nghiệp và quản lý, đầu tư phát triển Quỹ BHXH; ban hành cơ chế, chính sách phù hợp khắc phục có hiệu quả việc rút BHXH một lần. Phát huy đầy đủ các chức năng của bảo hiểm thất nghiệp theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp duy trì việc làm bền vững cho người lao động, chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp...

Sáu là, hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội, hỗ trợ người dân kịp thời khắc phục khó khăn trước các tác động của khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Bảo đảm ASXH toàn dân, không để ai bị bỏ lại phía sau, đặc biệt

là những người có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật, người di cư và gia đình có trẻ em; có chính sách bảo trợ xã hội đối với người không có khả năng lao động. Nghiên cứu, xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy và nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội giải quyết vấn đề bạo lực, bạo hành gia đình, phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi; đổi mới công tác huy động nguồn lực xã hội;...

Phát triển nghề công tác xã hội, phát hiện và can thiệp sớm các vấn đề của người dân; hỗ trợ người dân tự giải quyết các vấn đề và phát triển cộng đồng bền vững, toàn diện.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản đối với người nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và từng bước nâng cao thu nhập của các hộ nghèo, cận nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm ổn định đời sống lâu dài cho người dân.

Bảy là, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và y tế, cụ thể: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; xây dựng xã hội học tập và thúc đẩy học tập suốt đời; chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp và nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo; tăng cường giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng; chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em.

Tám là, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội (dịch vụ công tác xã hội, dịch vụ về việc làm, BHXH, y tế, giáo dục, chăm sóc người cao tuổi) đa dạng, liên thông, liên tục, theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của các nhóm dân cư, nhất là hỗ trợ công nhân lao động, đối tượng yếu thế, người di cư và dân tộc thiểu số. Mở rộng hợp tác công - tư trong cung cấp dịch vụ xã hội cho người dân và tạo cơ chế để khu vực tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công; cải cách phương thức tài chính cho dịch vụ công; xây dựng dịch vụ công chất lượng cao đối với một số nhóm xã hội có khả năng thanh toán; phân định lại chức năng rõ ràng giữa ASXH với cung cấp các dịch vụ cơ bản.

Chín là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức và cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho thực hiện CSXH; khuyến khích huy động nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân; hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.

1. Chương trình phát triển Liên hợp quốc: “Báo cáo phát triển con người” (New York: Oxford University Press, 1994, p 23)

2. Xem: PGS, TS Nguyễn Việt Thông: “An ninh con người trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng”, <https://hdl.vn/vi/nghien-cuu--trao-doi/an-ninh-con-nguoi-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang.html>, ngày đăng: 14-7-2021

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2007, T. 51, tr. 139

4, 8, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 79, 189, 228

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2016, T. 60, tr. 195

6. *Sđđ*, 2018, T. 65, tr. 202

7. *Sđđ*, 2018, T. 67, tr. 130

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 135

11, 12, 13, 14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. I, tr. 116, 147-148, 156, 202

15. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2021 là 0,703; cải thiện thứ hạng từ vị trí 127/187 (năm 2012) lên vị trí 115/191 (năm 2021) trong bảng xếp hạng của Liên Hợp quốc

16, 18. Xem: Tổng cục thống kê: “Tình hình thị trường lao động Việt Nam năm 2023”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/tinh-hinh-thi-truong-lao-dong-viet-nam-nam-2023/>, ngày đăng 2-1-2024

17. Từ năm 2020-2022 đã nhanh chóng, kịp thời triển khai 4 gói cứu trợ chưa từng có tiền lệ, với số tiền trên 120 ngàn tỷ đồng và trên 200 ngàn tấn gạo hỗ trợ cho trên 68 triệu lượt người (Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 9-4-2020 “Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19”; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1-7-2021 “Về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19”; Nghị quyết số 116/NQ-CP, ngày 24-9-2021 “Về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp”; Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28-3-2022 “Quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động”)

19. Xem: GS, TS Tô Lâm: “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie, ngày đăng 1-11-2024.